

## Buổi 2 (TÌM & ĐỌC): Phiếu bài tập

Nền tảng Nghiên cứu Lâm sàng · Cấp độ 1 · Neudata · #ClearDataClearImpact · Tuần 2 · Thứ Bảy  
07/11/2026 · trực tuyến, 19:30–22:30

Họ và tên: \_\_\_\_\_

Khoa/Phòng: \_\_\_\_\_

**Cách dùng phiếu này.** Phiếu được gửi qua email trước buổi học, dưới dạng tệp Word và tệp PDF. Hãy mở phiếu trên máy tính trong suốt buổi học và gõ câu trả lời vào tệp Word (hoặc in bản PDF ở nhà).

- Câu hỏi ôn tập Buổi 1: tự làm, trong biểu mẫu trực tuyến có đường dẫn trong khung chat (8 phút, đầu buổi).
- Bài tập 1 (xây chuỗi tìm kiếm Boolean): **tự làm**, cho câu hỏi của bạn, phần 2.1 (5 phút).
- Bài tập 2 (diễn giải bằng lời của mình): làm ở nhà.
- Bài tập 3 (đọc phần tóm tắt của Bài báo 1): **tự làm**, phần 2.3 (12 phút). Bản tóm tắt sạch có đường dẫn trong khung chat.
- Bài tập 4: Xây dựng đề cương 2 **của riêng bạn** (35 phút).

Đáp án được thảo luận trong lớp, trong khung chat. Không chấm điểm.

### Câu hỏi ôn tập: Buổi 1 (cá nhân, 8 phút, trong biểu mẫu trực tuyến)

- Bài báo khóa học nào là thử nghiệm và bài nào là nghiên cứu thuần tập: Bài báo 1 (Boulet 2024) hay Bài báo 2 (Hyun 2023)? \_\_\_\_\_
- "Ở người lớn bị nhiễm khuẩn huyết, cân bằng dịch dương vào ngày 3, so với không dương, có liên quan đến tử vong trước ngày 28 không?" P \_\_\_\_\_ E \_\_\_\_\_ C \_\_\_\_\_ O \_\_\_\_\_ T \_\_\_\_\_
- Ví dụ xuyên suốt của chúng ta không đạt chữ cái FINER nào? \_\_\_\_\_
- Câu nào là mục tiêu cụ thể: "tìm hiểu cân bằng dịch" hay "ước tính tỷ lệ người bệnh có cân bằng dịch dương vào ngày 3"? \_\_\_\_\_
- Viết H0 cho câu hỏi: "Quy trình hạn chế dịch có làm giảm cân bằng dịch ở ngày 5 không?"  
\_\_\_\_\_

### Ví dụ xuyên suốt (để tham khảo)

|              |                                                   |
|--------------|---------------------------------------------------|
| P: Đối tượng | Người lớn (từ 18 tuổi) bị sốc nhiễm khuẩn tại ICU |
| I: Can thiệp | Chiến lược hạn chế dịch                           |
| C: So sánh   | Chăm sóc thường quy (truyền dịch theo chuẩn)      |
| O: Kết cục   | Tử vong do mọi nguyên nhân                        |
| T: Thời gian | Trong vòng 28 ngày                                |

**Câu hỏi:** Ở người lớn bị sốc nhiễm khuẩn tại ICU, chiến lược hạn chế dịch, so với chăm sóc thường quy, có làm giảm tử vong 28 ngày không?

## Bài tập 1: Xây chuỗi tìm kiếm Boolean (cá nhân, 5 phút, phần 2.1)

**Quy tắc:** nối các từ đồng nghĩa trong một khối bằng **OR**. Nối các khối với nhau bằng **AND**. Đặt mỗi khối trong **ngoặc đơn**. Viết toán tử bằng CHỮ IN HOA. Dùng từ tìm kiếm tiếng Anh.

**Khởi động:** chuỗi nào cho **NHIỀU** kết quả hơn? (khoanh tròn)

- septic shock AND fluids hay septic shock OR fluids
- sepsis hay sepsis NOT neonatal

**Xây chuỗi tìm kiếm** từ câu hỏi PICO của bạn (Buổi 1) và danh sách từ đồng nghĩa. Thành phần so sánh (C) thường *không* đưa vào tìm kiếm.

| Khối  | Khái niệm | Từ đồng nghĩa (2–4). Đánh dấu các thuật ngữ có thể là MeSH bằng (M) |
|-------|-----------|---------------------------------------------------------------------|
| P     |           |                                                                     |
| I / E |           |                                                                     |
| O     |           |                                                                     |

**Chuỗi tìm kiếm của tôi:**

( \_\_\_\_\_ OR \_\_\_\_\_ OR \_\_\_\_\_ ) AND ( \_\_\_\_\_ OR \_\_\_\_\_ OR \_\_\_\_\_ ) AND ( \_\_\_\_\_ OR \_\_\_\_\_ )

**Một bộ lọc tôi sẽ thêm, và vì sao:** \_\_\_\_\_

**Chia sẻ chuỗi tìm kiếm.** Giảng viên mời hai hoặc ba bạn đọc to một khối; cả lớp gợi ý thêm một từ đồng nghĩa. Từ đồng nghĩa được gợi ý cho chuỗi của tôi: \_\_\_\_\_

**Chuỗi tìm kiếm trong phần trình diễn trực tiếp (chép lại đây để chạy ở nhà):**

```
("Shock, Septic"[Mesh] OR "septic shock"[tiab] OR sepsis[tiab])
AND ("Fluid Therapy"[Mesh] OR "fluid restrict*"[tiab] OR "restrictive fluid*"[tiab] OR
"conservative fluid*"[tiab])
AND ("Mortality"[Mesh] OR mortality[tiab] OR death[tiab])
```

| Thẻ trường / ký hiệu | Ý nghĩa                                                                           |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| [Mesh] hoặc [mh]     | Thuật ngữ MeSH (tự động gồm cả các thuật ngữ hẹp hơn)                             |
| [tiab]               | từ nằm trong tiêu đề hoặc tóm tắt                                                 |
| [pt]                 | loại công bố, ví dụ randomized controlled trial[pt]                               |
| "..."                | cụm từ chính xác                                                                  |
| *                    | mọi đuôi từ (cắt cụt): restrict* = restrict, restricted, restriction, restrictive |

## Bài tập 2: Trích dẫn hay sao chép (diễn giải an toàn) (cá nhân, ở nhà, 10 phút)

**Cách làm:** đọc, gấp bài báo lại, viết theo trí nhớ, kiểm tra lại dữ kiện, rồi trích dẫn.

Viết chấp vá (chép câu gốc rồi đổi vài từ) là đạo văn **kể cả khi có trích dẫn**.

**Phần A: Tìm lỗi.** Nguồn là phần Kết quả trong tóm tắt của Bài báo 2 (Hyun 2023):

"The positive fluid groups in both the D2 (HR, 2.13; 95% CI 1.48–3.06;  $P < 0.001$ ) and D3 (HR, 1.56; 95% CI 1.10–2.22;  $P = 0.012$ ) cohorts had significantly higher mortality rates than the negative fluid groups."

(Tạm dịch: Nhóm cân bằng dịch dương ở cả thuần tập D2 (HR 2.13; KTC 95% 1.48–3.06;  $P < 0.001$ ) và D3 (HR 1.56; KTC 95% 1.10–2.22;  $P = 0.012$ ) có tỷ lệ tử vong cao hơn có ý nghĩa so với nhóm cân bằng dịch âm.)

Với mỗi phiên bản dưới đây (giữ nguyên tiếng Anh vì bài báo viết bằng tiếng Anh), đánh dấu **Đạt** hoặc **Có vấn đề**, và nói vì sao.

| Phiên bản                                                                                                                                                                 | Đạt                      | Có vấn đề                | Vì sao? |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------|
| a) "The positive fluid groups in the D2 and D3 cohorts had significantly higher death rates than the negative fluid groups [2]."                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| b) "In a matched registry cohort, a positive cumulative fluid balance on ICU days 2 and 3 was associated with higher 28-day mortality (hazard ratios 2.13 and 1.56) [2]." | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| c) "Giving more fluid on days 2 and 3 doubles the risk of death [2]."                                                                                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| d) "In a matched registry cohort, a positive cumulative fluid balance on ICU days 2 and 3 was associated with higher 28-day mortality." (không có trích dẫn)              | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |

**Phần B: Đến lượt bạn.** Diễn giải câu sau trong tóm tắt của Bài báo 1 bằng lời của bạn, kèm trích dẫn:

"After 28 days, mortality and the numbers of days alive without life support were similar between groups."

(Tạm dịch: Sau 28 ngày, tử vong và số ngày còn sống không cần hỗ trợ sự sống tương tự nhau giữa các nhóm.)

Bản diễn giải của tôi: \_\_\_\_\_

**Kiểm tra:** cấu trúc câu khác? ☐ dữ kiện vẫn đúng? ☐ không khẳng định mạnh hơn nguồn? ☐ có trích dẫn? ☐

**Bài tập 3: Đọc phần tóm tắt của Bài báo 1 (cá nhân, 12 phút, phần 2.3)**

Chỉ dùng **phần tóm tắt** của Bài báo 1: Boulet N, et al. *Crit Care* 2024;28:429 (trong *Papers/*). 8 phút đọc một mình, rồi 4 phút gỡ kết cục chính và kết quả chính vào khung chat.

**Thứ tự đọc một bài báo trong 15 phút (để dùng sau này):** tiêu đề (30 giây), tóm tắt (3 phút), hình và bảng (4 phút), phương pháp (5 phút), rồi bàn luận và hạn chế (2–3 phút). Dừng sớm nếu bài báo không trả lời câu hỏi của bạn.

| Mục                                                                                   | Phần tóm tắt nói gì                                                 |
|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Thiết kế (và làm mù)                                                                  |                                                                     |
| P: ai được đưa vào?                                                                   |                                                                     |
| I so với C: so sánh cái gì?                                                           |                                                                     |
| Kết cục chính (và thời điểm đo)                                                       |                                                                     |
| Số liệu: sàng lọc / phân bổ ngẫu nhiên / phân tích                                    |                                                                     |
| Kết quả chính: ước lượng kèm KTC 95% và p                                             |                                                                     |
| Kết luận: một dòng                                                                    |                                                                     |
| Kết luận có <b>khớp</b> với kết quả chính không?                                      | <input type="checkbox"/> có <input type="checkbox"/> không. Vì sao? |
| Có <b>spin</b> (lời lẽ mạnh hơn số liệu) không?                                       | <input type="checkbox"/> có <input type="checkbox"/> không. Ở đâu?  |
| Số đăng ký                                                                            |                                                                     |
| Bài báo này có trả lời câu hỏi ví dụ xuyên suốt của chúng ta (từ vòng 28 ngày) không? | <input type="checkbox"/> có <input type="checkbox"/> không. Vì sao? |

**Ai làm xong sớm:** đọc **tiêu đề và tóm tắt** của Bài báo 2 (Hyun 2023). Từ nào trong tiêu đề mạnh hơn mức thiết kế cho phép? Phần kết luận của tóm tắt dùng từ nào thay thế?

**Danh sách kiểm tra spin: những từ cần chú ý**

| Số liệu nói                    | Spin nói                                 |
|--------------------------------|------------------------------------------|
| p = 0.42 cho kết cục chính     | "một xu hướng không có ý nghĩa thống kê" |
| kết cục chính: không khác biệt | tiêu đề nổi bật = một kết cục phụ có lợi |
| mối liên quan quan sát         | "tác động", "hiệu quả", "làm giảm"       |
| thay đổi chỉ trong một nhóm    | "người bệnh đã cải thiện"                |

## Bài tập 4: Xây dựng đề cương 2 (tự làm, 35 phút)

Đầu tiên giảng viên tìm kiếm trực tiếp cho ví dụ xuyên suốt và bạn gợi ý từ khóa và bài báo trong khung chat (10 phút). Sau đó bạn tiếp tục Phần 1 đề cương **của riêng bạn** trong **mẫu đề cương nghiên cứu** ([Templates/Research\\_Proposal\\_Template.docx](#)) và **bảng tổng quan tài liệu**, dựa trên câu hỏi, mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của tuần trước. Phiếu này là danh sách kiểm tra của bạn. Phần chưa xong là bài về nhà.

| Thời gian  | Việc cần làm                                                                                                                                                           | Xong                     |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 0–10 phút  | Xem giảng viên tìm kiếm và sàng lọc cho ví dụ xuyên suốt; gợi ý từ khóa và bài báo trong khung chat                                                                    | <input type="checkbox"/> |
| 10–30 phút | <b>1. Chạy chuỗi tìm kiếm của bạn</b> (Bài tập 1) trên PubMed; ghi ngày tìm, các bộ lọc và số kết quả                                                                  | <input type="checkbox"/> |
|            | <b>2. Sàng lọc</b> tiêu đề và tóm tắt; chọn <b>5 bài báo chính</b> ; lưu vào Zotero ( <i>Send to</i> → <i>Citation manager</i> , rồi nhập vào)                         | <input type="checkbox"/> |
|            | <b>3. Bảng tổng quan tài liệu</b> : mỗi bài báo một dòng                                                                                                               | <input type="checkbox"/> |
|            | <b>4. Đặt vấn đề</b> : ba đoạn ngắn (khoảng 300 từ): (a) điều đã biết, (b) điều chưa biết (khoảng trống), (c) vì sao vấn đề quan trọng ở đây (số liệu tại chỗ, nếu có) | <input type="checkbox"/> |
|            | <b>5. Tên đề tài tạm thời và từ khóa</b> (xem bên dưới)                                                                                                                | <input type="checkbox"/> |
| 30–35 phút | Hai bạn tình nguyện đọc to tên đề tài và câu nêu khoảng trống; mọi người góp một ý cải thiện trong khung chat                                                          | <input type="checkbox"/> |

### Tên đề tài tạm thời và từ khóa

|                                                                                                                                                                                     |                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| Tên đề tài tạm thời (10–16 từ tiếng Anh; thấy rõ đối tượng, can thiệp so sánh hoặc phơi nhiễm, và thiết kế; không viết tắt; không dùng "impact" hay "effect" cho thiết kế quan sát) |                                     |
| Số từ                                                                                                                                                                               |                                     |
| Từ khóa (3–6; thuật ngữ MeSH <b>chưa</b> có trong tên đề tài)                                                                                                                       | 1. _____ 2. _____ 3. _____ 4. _____ |

*Ví dụ (bản viết lại khả thi của ví dụ xuyên suốt):* "Restrictive versus usual fluids in adults with septic shock: a pilot randomised trial" (13 từ). Từ khóa: Fluid Therapy; Water-Electrolyte Balance; Critical Care; Vasoconstrictor Agents.

## Bảng tổng quan tài liệu: mỗi bài báo một dòng

| # | Nghiên cứu (tác giả đầu, năm, tạp chí) | Thiết kế, cỡ mẫu | So sánh | Kết cục chính: kết quả | Hạn chế chính | Vì sao quan trọng với câu hỏi của chúng ta |
|---|----------------------------------------|------------------|---------|------------------------|---------------|--------------------------------------------|
| 1 |                                        |                  |         |                        |               |                                            |
| 2 |                                        |                  |         |                        |               |                                            |
| 3 |                                        |                  |         |                        |               |                                            |
| 4 |                                        |                  |         |                        |               |                                            |
| 5 |                                        |                  |         |                        |               |                                            |

Chuỗi tìm kiếm đã dùng cho tài liệu tham khảo (dán chuỗi tìm kiếm, cơ sở dữ liệu và ngày tìm):

### Kiểm tra chất lượng trước khi dùng

- ☐ Phần đặt vấn đề kết thúc bằng câu hỏi của bạn; tên đề tài nêu cùng đối tượng và kết cục như câu hỏi.
- ☐ Ít nhất một tài liệu tham khảo là thử nghiệm ngẫu nhiên hoặc tổng quan hệ thống, nếu có; bạn đã kiểm tra sổ đăng ký thử nghiệm để tìm các thử nghiệm đang tiến hành.
- ☐ Tài liệu tham khảo đã lưu trong Zotero. Không câu nào chép từ nguồn.

## Câu hỏi cuối buổi (trong khung chat, hoặc biểu mẫu 1 câu hỏi có đường dẫn trong khung chat; 2 phút, trước khi rời lớp)

- Chuỗi nào cho NHIỀU kết quả hơn: *septic shock AND fluids* hay *septic shock OR fluids*?
- Kết cục chính của Bài báo 1 là gì?

*Vì sao chúng tôi hỏi:* đây không phải bài về nhà và không chấm điểm. Câu trả lời cho chúng tôi biết điều gì còn chưa rõ. Giảng viên đọc mọi câu trả lời trước Buổi 3.

## Bài về nhà trước Buổi 3 (thứ Bảy tuần sau)

- Hoàn thành năm tài liệu tham khảo chính, các dòng trong bảng tổng quan và phần đặt vấn đề, để Phần 1 đề cương **của riêng bạn** hoàn chỉnh, có tên đề tài tạm thời và từ khóa.
- Đọc một bài báo của bạn theo cách đọc 15 phút.
- Đọc **phần tóm tắt** của Bài báo 2 (Hyun 2023, *Ann Intensive Care*, trong *Course/Papers*) với bảng của Bài tập 3.
- Bài tập 2 (diễn giải) nếu chưa làm trong lớp.
- Không bắt buộc:** tra sổ đăng ký của Bài báo 1 (NCT04947904) trên ClinicalTrials.gov.